

Bản án số: 275/2019/HS-PT
Ngày: 25- 10- 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Thẩm phán: Ông Lê Hồng Nước.

Ông Bùi Văn Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhứt Minh- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:

Bà Lưu Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 tháng 9 và 07, 21, 25 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 176/2019/TLPT-HS ngày 24 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo Trần Thiện T và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2019/HS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Trần Thiện T**, sinh năm 1978 tại Cần Thơ; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số xxx Đình Đ, phường x, Quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: Ấp x, xã Bình Hàng T1, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thiện T2, sinh năm 1954 (sống) và bà Lê Thị L1, sinh năm 1953 (sống); có vợ và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ: Ngày 30- 9- 2018 đến ngày 09- 10- 2018 thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; tạm giam: Không (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

2. **Phạm Hoàng Q**, sinh năm 1983 tại Đồng Tháp; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ X, ấp Bình H, xã Bình T5, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T3, sinh năm 1943 (chết) và bà Đỗ

Thị L2, sinh năm 1949 (sống); chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ: Ngày 30- 9- 2018 đến 09- 10- 2018 thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; tạm giam: Không (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

3. **Trần Thanh T4**, sinh năm 1988 tại Đồng Tháp; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp Bình H, xã Bình T5, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M, sinh năm 1960 (sống) và bà Nguyễn Kiều H1, sinh năm 1961 (sống); có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ: Ngày 30- 9- 2018 đến ngày 09- 10- 2018 thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; tạm giam: Không (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

4. **Phạm Anh V**, sinh năm 1999 tại Đồng Tháp; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp X, xã Mỹ H2, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn C, sinh năm 1979 (sống) và bà Bùi Ngọc L3 sinh năm 1979 (sống); chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ: Ngày 30- 9- 2018 đến 09- 10- 2018 thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; tạm giam: Không (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

5. **Nguyễn Thị Thanh T6**, sinh năm 1989 tại Đồng Tháp; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số XXX Đình Đ, phường X, Quận Tân B, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: Ấp X, xã Bình Hàng T1, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T7, sinh năm 1963 (sống) và bà Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1964 (sống); có chồng và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ: Ngày 30- 9- 2018 đến 09- 10- 2018 thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; tạm giam: Không (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

6. **Võ Minh T9**, sinh năm 1990 tại Đồng Tháp; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp X, xã Bình Hàng T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Võ Văn Tư N, sinh năm 1965 (sống) và bà Nguyễn Bích T10, sinh năm 1971 (sống); có vợ và 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 17- 01- 2018 bị Công an huyện L ra quyết xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 3.500.000 đồng về hành vi hủy hoại tài sản, nộp phạt ngày 26- 01- 2018; nhân thân: Vào ngày 22- 01- 2010 bị Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 năm tù về tội Hiếp dâm, được đặc xá ngày 31- 8- 2013; tạm giữ, tạm giam: Không. (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

- *Người bào chữa cho các bị cáo Trần Thiện T, Nguyễn Thị Thanh T6:*

1. Luật sư Nguyễn Văn Quý- Công ty Luật TNHH Hà Đại Phát thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (*có mặt*).

2. Luật sư Nguyễn Kim Định- Công ty Luật TNHH một thành viên Đồng Minh thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Nguyễn Kim H3, sinh năm 1956 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Long Hòa H4, xã Kiến A, huyện M1, tỉnh An Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Thiệu Thị Y, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Bình L4, xã Bình T5, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Nguyễn Văn S, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Thị X, xã Mỹ L5, huyện M1, tỉnh An Giang.

3. Lê Thị Trúc H5, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Hòa H4, xã Kiến A, huyện M1, tỉnh An Giang.

4. Nguyễn Thanh N1, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Bình H, xã Bình T5, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

5. Võ Văn H6, sinh năm 1955 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Bình L4, xã Bình T5, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

6. Đỗ Văn P, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Bình L4, xã Bình T5, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

7. Lê Duy K, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Bình L4, xã Bình T5, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

8. Huỳnh Công D, sinh năm 1998 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Bình H7, xã Bình T5, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

9. Huỳnh Minh T11, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Đội tổng hợp Công an huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

10. Võ Phước H7, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đội Cảnh sát thi Hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an huyện lnh, tỉnh Đồng Tháp.

11. Bùi Ngọc T12, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về hình sự, kinh tế, ma túy Công an huyện l, tỉnh Đồng Tháp.

12. Nguyễn Hồ Vũ Trường G, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Bình Mỹ B, xã Bình T5, huyện l, tỉnh Đồng Tháp.

13. Lê Thị Kiều Oanh, sinh năm 1997 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Ấp Bình Mỹ A, xã Bình T5, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ ngày 29- 9- 2018, Trần Thiện T điện thoại cho Võ Minh T9 là tài xế lái xe thuê cho T, T kêu T9 chạy xe tải loại 07 tấn biển số 51C-409.XX (do cha ruột của T là ông Trần Thiện T2 đứng tên giấy đăng ký xe nhưng giao cho T tạm thời quản lý) đến khu vực cây xăng Tư T13 thuộc ấp X, xã Mỹ L6, huyện L, tỉnh Đồng Tháp để gặp 02 người phụ nữ không xác định tên và địa chỉ để nhận tiền lẻ rồi điều khiển xe tải đến Trạm thu phí Cầu N thuộc ấp Bình L4, xã Bình T5, huyện L, tỉnh Đồng Tháp giả vờ mua vé qua Trạm, nếu người bán vé không có tiền thối lại (trả lại tiền thừa) thì đậu xe lại để gây cản trở giao thông và gây rối trật tự công cộng, T9 đồng ý.

Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi nhận tiền lẻ từ 02 người phụ nữ, T9 chạy xe tải đến đậu tại Trạm thu phí N mua vé qua trạm với số tiền 25.000 đồng, T9 đưa cho chị Thiệu Thị Y là nhân viên bán vé của Trạm số tiền 25.100 đồng, gồm: 01 tờ 20.000 đồng, 02 tờ 2000 đồng, 01 tờ 500 đồng và 03 tờ 200 đồng, T9 yêu cầu chị Y thối lại 100 đồng, chị Y không có 100 đồng để thối nên chỉ lấy tiền vé là 20.000 đồng và trả lại T9 5.100 đồng, Y yêu cầu T9 chạy xe đi nhưng T9 không chịu nhận tiền lại mà đậu xe bấm còi xe liên tục gây cản trở giao thông và làm cho nhiều người đi đường hiếu kỳ dừng lại la hét gây mất an ninh trật tự. Thấy vậy, ông Nguyễn Văn S là nhân viên thu phí của Trạm đến gặp T9, trả lại cho T9 toàn bộ số tiền và yêu cầu T9 điều khiển xe rời khỏi Trạm nhưng T9 vẫn cản trở giao thông, bấm còi xe liên tục, ông S điện thoại trình báo Công an xã Bình T5, huyện L đến giải quyết. Khi lực lượng Công an xã Bình T5 đến, Công an yêu cầu T9 điều khiển xe rời khỏi Trạm nhưng T9 vẫn chây ì không đi nhằm mục đích gây rối và gây cản trở giao thông. Lúc này, Trần Thiện T, Nguyễn Thị Thanh T6 (vợ T), Phạm Anh V, Trần Thanh T4 và Phạm Hoàng Q cùng nhiều tài xế và người đi đường khác (không xác định được tên và địa chỉ cụ thể) đã hòa vào đám đông tham gia la hét lớn tiếng phản đối việc thu phí của Trạm, gây cản trở và gây ách tắc giao thông khoảng 30 phút thì lực lượng Công an huyện L đến hỗ trợ can thiệp bảo vệ trật tự công cộng. Lực lượng Công an đã nhiều lần yêu cầu T9 chạy xe khỏi trạm nhưng T9 vẫn không chấp hành mà bấm còi xe liên tục để kích thích cho các bị cáo T, T6, V, T4 và Q cùng nhiều tài xế và người đi đường khác (không xác định được tên, địa chỉ cụ thể) tập trung tại Trạm la hét lớn tiếng và gây ách tắc giao thông nghiêm trọng. Nhận thấy việc làm của T9 gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên anh Bùi Ngọc T12 là cán bộ trinh sát Công an huyện L mặc đồ thường phục đã tiếp cận để đưa T9 ra khỏi xe, cùng lúc

này T6 không biết Bùi Ngọc T 12 là Công an đang làm nhiệm vụ nên có lời lẽ thô tục chửi mắng, la lớn tiếng và cầm nón bảo hiểm đánh 3- 4 cái vào người anh T12 làm anh T12 bị thương nhẹ. Bị cáo Trần Thanh T4 dùng lời lẽ chửi thề thô tục thách thức và dùng tay đánh vào người anh Võ Phước H7 là Công an huyện L đang mặc quân phục nhưng không gây thương tích cho anh H7. Khi xe Cảnh sát 113 của Công an huyện L đưa anh T12 đi cấp cứu thì các bị cáo Trần Thiện T, Nguyễn Thị Thanh T6, Phạm Anh V, Phạm Hoàng Q và Trần Thanh T4 cùng nhiều người khác có hành vi la hét lớn tiếng, cản đầu xe Cảnh sát 113 không cho chở người đi cấp cứu, bị cáo Phạm Anh V còn dùng trống lục lạc đánh tạo ra âm thanh lớn để cổ V kích động cho nhiều người tham gia gây rối phản đối Trạm thu phí, bị cáo Phạm Hoàng Q nằm trên ca- bô đầu xe Cảnh sát 113 và dùng 02 tay vỗ vào đầu xe phá phách gây tiếng động lớn. Các bị cáo trên có hành vi chửi thề, la hét lớn tiếng, đánh và cản trở không cho xe Cảnh sát 113 chở người bị thương đi điều trị gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội gây ùn tắc giao thông nghiêm trọng từ khoảng 19 giờ đến 22 giờ 20 phút cùng ngày thì bị bắt quả tang.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2019/HS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp đã tuyên xử:

Tuyên bố các bị cáo Trần Thiện T, Phạm Hoàng Q, Trần Thanh T4, Phạm Anh V, Nguyễn Thị Thanh T6 và Võ Minh T9 cùng phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

- Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thiện T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 30- 9- 2018 đến ngày 09- 10- 2018.

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Hoàng Q 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 30- 9- 2018 đến ngày 09- 10- 2018.

- Áp dụng điểm c, đ khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh T4 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 30- 9- 2018 đến ngày 09- 10- 2018.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Anh V 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 30- 9- 2018

đến ngày 09- 10- 2018.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh T6 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 30- 9- 2018 đến ngày 09- 10- 2018.

- Áp dụng khoản 1 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Minh T9 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và nêu quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 18- 6- 2019 bị cáo Phạm Anh V có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù và xin được hưởng án treo.

Ngày 23- 6- 2019 bị cáo Trần Thiện T có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên không phạm tội và hủy bản án sơ thẩm.

Ngày 27- 6- 2019 bị cáo Nguyễn Thị Thanh T6 có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên không phạm tội và hủy bản án sơ thẩm.

Ngày 27- 6- 2019 bị cáo Võ Minh T9 có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt tù và xin được hưởng án treo.

Ngày 28- 6- 2019 bị cáo Trần Thanh T4 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 28- 6- 2019 bị cáo Phạm Hoàng Q có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt tù và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Võ Minh T9, Phạm Anh V, Phạm Hoàng Q, Trần Thanh T4 thừa nhận có hành vi dừng xe tải, tham gia la hét, cổ V, đứng cản trước đầu xe Cảnh sát 113 của Công an huyện L, tỉnh Đồng Tháp vào khoảng thời gian từ 19 giờ đến 22 giờ 30 phút ngày 29- 9- 2018 tại Trạm thu phí N thuộc ấp Bình L4, xã Bình T5, huyện L, tỉnh Đồng Tháp làm ách tắc giao thông và gây rối trật tự công cộng.

Bị cáo Võ Minh T9 thừa nhận vào khoảng 14 giờ ngày 29- 9- 2018, bị cáo Trần Thiện T điện thoại cho T9 kêu T9 điều khiển xe ô tô tải mang biển số 51C- 409.20 đến cây xăng Tư T13 tại ấp X2, xã Mỹ L6, huyện L, tỉnh Đồng Tháp để nhận tiền lẻ từ 02 người phụ nữ rồi chạy xe đến Trạm thu phí N mua vé qua Trạm nhưng không nhận lại tiền thừa mà đậu xe lại tại Trạm để gây ách tắc giao thông, gây ảnh hưởng đến trật tự công cộng và Võ Minh T9 đã làm theo lời của T. Bị cáo Võ Minh T9 thừa nhận chỉ có T là người điện thoại kêu T9 thực hiện hành vi trên chứ không phải là Nguyễn Hồ V Trường G và không phải ai khác. Việc T khai T

và T9 làm theo lời của Nguyễn Hồ V Trường G là không đúng. T9 còn khai không biết 02 người phụ nữ giao tiền lẻ cho T9 là ai và T9 xác định Lê Thị Kiều O không phải là 01 trong 02 người đưa tiền lẻ cho T9. Bị cáo T9 còn thừa nhận tại phiên tòa sơ thẩm đã xét xử thì Nguyễn Hồ V Trường G và Lê Thị Kiều O có khai là không chỉ đạo cho T, T9 dùng tiền lẻ qua Trạm thu phí N gây rối trật tự công cộng, riêng O khẳng định không phải là người có mặt tại Cây xăng Tư T13 đổi tiền lẻ cho T9. T9 khẳng định Trường G và O không liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Anh V thừa nhận có tham gia la hét, ca hát, sử dụng trống lục lạc đập phát ra âm thanh để cổ V những người khác gây rối trật tự công cộng, cản trở giao thông, V cũng đứng trước đầu xe Cảnh sát 113 để ngăn cản không cho xe di chuyển làm nhiệm vụ. Bị cáo Phạm Hoàng Q thừa nhận la hét lớn tiếng, chửi thề, đứng cản đầu xe Cảnh sát 113 và nằm trên nắp ca-po, dùng 02 tay vỗ vào nắp ca-po xe gây ra tiếng động để kích động những người khác gây rối trật tự công cộng. Bị cáo Trần Thanh T4 thừa nhận có la hét, chửi và dùng tay đánh vào người anh Võ Phước H7 là Công an đang mặc quân phục làm nhiệm vụ. Các bị cáo Phạm Anh V, Phạm Hoàng Q, Trần Thanh T4 đều thừa nhận nhìn thấy Nguyễn Thị Thanh T6 có đứng cản đầu xe Cảnh sát 113, tham gia la hét, gây rối trật tự công cộng, các bị cáo thấy nhiều người la hét, chửi bới thì tham gia la hét, chửi bới chứ không có động cơ, mục đích gì, hành vi của các bị cáo là tự bản thân thực hiện chứ không bị ai tổ chức, xúi giục và do chiều tối ngày 29- 9- 2018 các bị cáo có uống rượu, bia nên không kiềm chế được bản thân.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thiện T khai bị cáo có điện thoại kêu T9 đến cây xăng Tư Tông đổi tiền lẻ của 02 người phụ nữ để đến Trạm thu phí N gây ách tắc giao thông là do trước đó Nguyễn Hồ V Trường G điện thoại cho T yêu cầu cùng gây ách tắc giao thông và T kêu Trường G gọi cho T9, T gọi lại cho T9 là để xác nhận xem Trường G có gọi cho T9 chưa. Bị cáo T cho rằng Lê Thị Kiều O là 01 trong 02 người phụ nữ đổi tiền lẻ cho T9 nhưng thực tế T không thấy O đưa tiền lẻ cho T9 tại cây xăng Tư T13 và cũng không biết O có phải là người lên xe tải của T9 hay không? Tại phiên tòa phúc thẩm thì bị cáo T cũng thừa nhận tại phiên tòa sơ thẩm Trường G và Kiều O đều khai là không chỉ đạo, không tham gia và không liên quan gì trong vụ án. Bị cáo Trần Thiện T cho rằng bị cáo không phạm tội theo điểm c, d khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự vì bị cáo không xúi giục T9, mà việc bị cáo làm là do Nguyễn Hồ V Trường G xúi giục, bị cáo không cản trở giao thông nghiêm trọng do thời gian bị cáo tham gia la hét, phản đối ngắn và việc bị cáo phản đối nguyên nhân xuất phát từ việc anh Bùi Ngọc T12 kéo T9 xuống khỏi xe tải làm xe tải mất lái cán lên nhiều xe gần máy, mô tô khác nên bị cáo bức xúc.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Thanh T6 khai tối ngày 29- 9- 2018, T6 có đến Trạm thu phí N để tìm Trần Thiện T và T6 có nhìn thấy xe tải do T9 điều khiển đầu gây ách tắc giao thông, sau đó anh Bùi Ngọc T12 leo lên xe tải kéo T9 xuống làm xe tải mất lái cán lên nhiều xe mô tô, gắn máy khác, bị cáo nhìn thấy trên người anh T12 có mùi rượu, bị cáo bức xúc nên có dùng nón bảo hiểm đánh anh T12, khi

Công an đưa anh T12 lên xe Cảnh sát 113 thì bị cáo có cùng nhiều người đứng cản đầu xe Cảnh sát 113 không cho di chuyển, bị cáo có la hét, phản đối nhưng thời gian tham gia chỉ khoảng 20 phút, mục đích là yêu cầu đưa anh T12 ra khỏi xe để giải quyết vụ việc. Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T6 cho rằng bị cáo không phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Tại phiên tòa, người có quyền, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Kim H3-Giám đốc Công ty cổ phần thu phí cầu đường Đồng Tháp cho rằng Công ty cổ phần thu phí cầu đường Đồng Tháp hợp đồng với Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp để thu phí qua cầu N, hợp đồng đến năm 2025 mới hết hạn, thời điểm các bị cáo gây rối trật tự công cộng, làm ùn tắc giao thông ngày 29- 9- 2018 thì hợp đồng thu phí vẫn còn hiệu lực, nhưng do các ngày 25- 9- 2018, 28- 9- 2018 và 29- 9- 2018 có nhiều đối tượng liên tục gây rối, ùn tắc giao thông, ảnh hưởng đến hoạt động thu phí nên hiện nay Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã mua lại Trạm thu phí này. Bà H3 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại từ việc mất thu nhập do không thu phí được ngày 29- 9- 2019. Lời khai của người làm chứng Thiệu Thị Y, Nguyễn Văn S, Lê Thị Trúc H5 là nhân viên thu phí phù hợp với lời khai của bị cáo T9 về việc T9 dùng thủ đoạn mua vé bằng tiền lẻ để cho Trạm thu phí không có tiền thối lại, để T9 đỗ xe lâu tại Trạm làm ách tắc giao thông dẫn đến việc nhiều người gây rối trật tự công cộng. Người làm chứng Huỳnh Minh T11 khai bản thân là cán bộ Công an huyện L, tỉnh Đồng Tháp do khoảng 19 giờ ngày 29- 9- 2018 phát sinh việc hàng trăm người la hét, gây rối trật tự công cộng, làm ách tắc giao thông nên anh T11 được lãnh đạo Công an Huyện phân công dùng xe đặc chủng (xe Cảnh sát 113) chở 12 cán bộ, chiến sĩ đến để thực thi nhiệm vụ giải tán đám đông, khi đến nơi anh T12 thấy có rất nhiều người tụ tập, la hét. Tài xế lái xe tải biển số 51C-409.XX đòi Trạm thu phí thối tiền lẻ, không xuống xe, các cán bộ, chiến sĩ Công an nhiều lần yêu cầu tài xế xuống xe nhưng tài xế này không xuống, nên lực lượng Công an đã khống chế tài xế này. Nhiều đối tượng quá khích đánh anh Bùi Ngọc T12 cán bộ Công an huyện L bị thương, Công an Huyện đưa anh T12 lên xe Cảnh sát 113 để đi cấp cứu, xe nổ máy, bật còi, đèn tín hiệu ưu tiên nhưng có rất nhiều đối tượng lao đến bao vây, la hét, cản đầu xe. Anh T11 nhận biết đó là các bị cáo trong vụ án này. Người làm chứng Bùi Ngọc T12 thì khai ngày 29- 9- 2018 anh là cán bộ Công an huyện L đang trực chiến tại đơn vị nên anh không có uống rượu, bia, khi đang trực thì nhận được tin có xảy ra sự việc gây rối trật tự công cộng tại Trạm thu phí N thuộc xã Bình T5, huyện L, do tình thế cấp bách, lãnh đạo Công an huyện L phân công anh và một số trình sát mặc thường phục xuống hiện trường nắm tình hình và giải quyết vụ việc. Do nhiều lần yêu cầu tài xế T9 xuống xe tải không được, nên anh được lệnh của lãnh đạo Công an huyện L là phải buộc tài xế T9 rời khỏi xe để điều xe đi khỏi Trạm thu phí. Anh T12 cho rằng khi xe tải đang ở trạng thái dừng, thì anh mở cửa kéo tài xế T9 rời khỏi xe, trong lúc giằng co thì T9 kéo cần số để xe di chuyển trong tình trạng không người lái khoảng 05 mét va chạm vào

nhieu xe mô tô, gần máy trước đầu xe tải. Anh T12 bị T6 dùng nón bảo hiểm đánh vào đầu, vai, nhiều người vây quanh anh và các trinh sát khác tấn công xô đẩy lực lượng Công an để giải vây cho T9 thì anh có dùng bình hơi cay xịt để giải tán đám đông. Anh phải đội nón bảo hiểm để lên xe Cảnh sát 113, khi anh lên xe thì nhiều đối tượng chặn trước đầu xe không cho xe di chuyển. Tại phiên tòa, bị cáo T9 cho rằng khi bị cáo đang cho xe tải di chuyển thì anh T12 kéo bị cáo xuống làm xe mất lái va chạm vào nhiều mô tô, gần máy. Bị cáo T6 cho rằng anh Bùi Ngọc T12 kéo bị cáo T9 ra khỏi xe tải khi xe đang di chuyển, xe còn số nhưng mất lái va chạm vào nhiều xe mô tô gần máy nên bị cáo T6 bức xúc, dùng nón bảo hiểm đánh anh T, chặn đầu xe Cảnh sát 113, la hét lớn tiếng chỉ là để kêu anh T xuống khỏi xe Cảnh sát 113 giải quyết vụ việc chứ bị cáo T6 không gây rối trật tự công cộng, bị cáo không phạm tội, bị cáo T6 yêu cầu anh T phải bồi thường thiệt hại cho bị cáo vì bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho các chủ xe mô tô, gần máy bị xe tải va chạm.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm cho rằng Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2019/HS-ST ngày 17- 6- 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp kết án các bị cáo về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại Điều 318 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Trong đó: Bị cáo Trần Thiện T bị xét xử theo các điểm c, d khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự với mức án 03 năm tù. Bị cáo Phạm Hoàng Q bị xét xử theo các điểm b, c khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự với mức án 02 năm 06 tháng tù. Bị cáo Trần Thanh T4 bị xét xử theo các điểm c, đ khoản 1 Điều 318, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự với mức án 02 năm 06 tháng tù. Bị cáo Phạm Anh V bị xét xử theo điểm c khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự với mức án 02 năm tù. Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T6 bị xét xử theo điểm c khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự với mức án 02 năm tù. Bị cáo Võ Minh T9 bị xét xử theo khoản 1 Điều 318, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự với mức án 09 tháng tù. Sau khi xét xử các bị cáo có kháng cáo đều trong hạn luật định. Các bị cáo Phạm Hoàng Q, Trần Thanh T4, Phạm Anh V, Võ Minh T9 đều thừa nhận hành vi phạm tội, xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo và có trình bày các lý do, cơ sở để Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết yêu cầu kháng cáo. Tuy nhiên, Kiểm sát viên nhận thấy các lý do, cơ sở mà các bị cáo đưa ra đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, áp dụng, không phát sinh tình tiết nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phần hình phạt của các bị cáo này. Các bị cáo Trần Thiện T, Nguyễn Thị Thanh T6 kháng cáo kêu oan, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua xét xử công khai tại phiên tòa phúc thẩm có đủ căn cứ để khẳng định các bị cáo T, T6 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” như Bản án sơ thẩm đã kết án các bị cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của

Bản án sơ thẩm đối với các bị cáo T và T6.

Tại phiên tòa, Luật sư Nguyễn Văn Quý trình bày lời bào chữa cho rằng bị cáo T không phải là người xúi giục bị cáo T9 thực hiện hành vi phạm tội, mà người xúi giục bị cáo T9 là Nguyễn Hồ V Trường G nhưng các cơ quan tiến hành tố tụng chưa là rõ hành vi của G là bỏ lọt tội phạm. Bị cáo T cũng không phải là người trực tiếp đưa tiền cho T9 mà là người khác nhưng việc này cũng chưa được điều tra làm rõ. Từ đó Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo Trần Thiện T phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” là không đúng. Hành vi của T chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm này.

Mặc dù khi điều tra, truy tố, xét xử ở cấp sơ thẩm, các bị cáo T, T6 chưa có điều kiện chứng minh thiệt hại về dân sự là phải bồi thường thiệt hại cho các chủ xe mô tô, gắn máy do xe tải của T, T6 mất lái gây ra. Đến nay các bị cáo đã thực hiện bồi thường, nên phần dân sự phải được giải quyết chung trong vụ án hình sự này thì mới đúng, nếu không giải quyết chung là vi phạm tố tụng.

Gia đình bị cáo T, bị cáo T6 là gia đình nghèo, tài sản vợ chồng chỉ có chiếc xe tải để làm ăn. Vì vậy khi bị cáo T6 thấy chiếc xe tải va chạm vào xe mô tô, gắn máy thì T6 nóng ruột là chuyện bình thường, bị cáo T6 không biết anh T12 là Công an nên mới đánh anh T do bức xúc, bị cáo T6 không rủ rê các bị cáo khác gây rối, không làm ùn tắc giao thông nên hành vi của T6 không đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Hành vi của các bị cáo T6, T chưa bị xử lý hành chính, các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên việc quy chụp các bị cáo phạm tội theo khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự là oan cho các bị cáo; không có chứng cứ chứng minh anh Bùi Ngọc T12 được lãnh đạo Công an huyện L phân công làm nhiệm vụ, tại tờ tường trình của anh T12 trong hồ sơ vụ án và lời khai của anh T12 tại phiên tòa phúc thẩm là được phân công làm nhiệm vụ chỉ là việc khai của anh T12 nên việc anh T12 gây thiệt hại là anh T12 có lỗi.

Tại phiên tòa, Luật sư Nguyễn Kim Định trình bày lời bào chữa cho rằng hành vi của anh Bùi Ngọc T12 kéo bị cáo T9 ra khỏi xe khi T9 đang cho xe rời khỏi Trạm thu phí là vi phạm pháp luật, hành vi này làm xe tải mất lái va chạm gây thiệt hại nhiều xe mô tô, gắn máy nên bị cáo T6 bức xúc đánh T12 và có cản đầu xe Cảnh sát 113 để yêu cầu đưa T12 ra giải quyết vụ việc. Đây chính là nguyên nhân buộc bị cáo T6 phải có những hành động như vậy nên bị cáo T6 không có lỗi. Hành vi của bị cáo T6 chỉ ở mức độ xử lý vi phạm hành chính, không đủ cơ sở để xử lý hình sự.

Các dữ liệu điện tử có trong hồ sơ vụ án vẫn chưa được các cơ quan tiến hành tố tụng xem xét để xác định các bị cáo T, T6 có phạm tội hay không? Viện kiểm sát nhận định các bị cáo đồng phạm giản đơn là chưa đúng? Các bị cáo bàn bạc, tính toán thực hiện tội phạm khi nào mà nói là đồng phạm?

Các cơ quan tiến hành tố tụng chưa cân nhắc việc vợ chồng bị cáo T, T6 có con nhỏ mà phạt tù cả hai là chưa áp dụng chính sách KH3n hồng của pháp luật.

Vai trò của Nguyễn Hồ V Trường G và Lê Thị Kiều O rất quan trọng trong vụ án này, quyết định đến cấu thành tội phạm của bị cáo T nhưng vẫn chưa được các cơ quan tiến hành tố tụng làm rõ là bỏ lọt tội phạm. Tại sao bị cáo T khai bị Trường G xúi giục thì các cơ quan tiến hành tố tụng lại không tin vào lời khai của T, nhưng Trường G khai không xúi giục T thì các cơ quan tiến hành tố tụng lại tin vào lời khai Trường G?

Cơ quan tiến hành tố tụng xác định Bùi Ngọc T12 là người làm chứng nhưng quá trình điều tra chỉ thu thập lời tường trình của T12 mà chưa lập biên bản lấy lời khai là vi phạm tố tụng.

Trong quá trình điều tra, có cán bộ điều tra mặc thường phục hăm dọa bị cáo T6 nếu thuê Luật sư thì sẽ bị xử từ 03 đến 04 tội vì Luật sư ở Việt Nam chứ không phải như Luật sư ở trong phim Hồng Kông và nhiều lời khai của bị cáo T6 buộc phải khai theo ý muốn của cán bộ điều tra, nên có hiện tượng móm cung, dục cung. Mặt khác, lời khai của bị cáo T9 và Nguyễn Hồ V Trường G không mâu thuẫn nhau nhưng cơ quan điều tra lại cho đối chất là trái với quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng hình sự, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Luật sư Định yêu cầu triệu tập Nguyễn Hồ V Trường G và Lê Thị Kiều O tại phiên tòa phúc thẩm để làm rõ vụ án. Luật sư Định cho rằng bị cáo T6 không phạm tội, còn bị cáo T không phạm tội ở điểm c, d khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự mà chỉ phạm tội ở khoản 1 Điều 318 Bộ luật hình sự.

Tại phần tranh luận, các bị cáo Trần Thiện T, Nguyễn Thị Thanh T6 thống nhất ý kiến bào chữa của Luật sư. Các bị cáo Võ Minh T9, Phạm Hoàng Q, Trần Thanh T4 không tham gia tranh luận. Bị cáo Phạm Anh V khi tranh luận trình bày là lúc bị cáo V bị bắt lên xe Công an thì có người thấy trên người anh Bùi Ngọc T12 có mùi rượu, bia. Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T6 tham gia tranh luận xác định lời khai của bị cáo V về việc anh T12 có mùi rượu bia là đúng.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo Võ Minh T9, Phạm Hoàng Q, Trần Thanh T4, Phạm Anh V đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo để các bị cáo có điều kiện lo cho gia đình, hòa nhập cộng đồng; bị cáo Trần Thiện T kêu oan; bị cáo Nguyễn Thị Thanh T6 phát biểu bị cáo không phạm tội, nếu Tòa án xử bị cáo có tội thì sau khi ra tù bị cáo sẽ tiếp tục khiếu nại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét thấy trong quá trình điều tra, cũng như qua xét xử công khai tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Võ Minh T9 đều khai nhận vào

khoảng 14 giờ ngày 29- 9- 2018, khi bị cáo T9 đang lái xe ô tô tải biển số 51C-409.XX từ Thành phố Hồ Chí Minh trở về huyện L, tỉnh Đồng Tháp thì bị cáo Trần Thiện T điện thoại cho T9 và yêu cầu T9 lái xe về cây xăng Tư T13 ở ấp X, xã Mỹ L6, huyện L gặp hai người phụ nữ để đổi tiền lẻ, rồi sau đó chạy xe đến Trạm thu phí N ở ấp Bình L4, xã Bình T5, huyện L giả vờ mua vé qua Trạm, nếu người bán vé không có tiền lẻ để thối lại thì đậu xe gây cản trở, ách tắc giao thông và gây rối trật tự công cộng. Bị cáo Võ Minh T9 khai nhận bị cáo đã thực hiện hành vi trên theo chỉ đạo của bị cáo Trần Thiện T chứ không theo chỉ đạo của ai khác. Bị cáo T9 khai rằng sau khi bị cáo T gọi điện thoại cho T9 thì có số điện thoại lạ điện vào điện thoại của T9 kêu T9 mang xe về cây xăng Tư T13, người gọi này là ai T9 không biết, T9 cũng không biết có phải là Nguyễn Hồ V Trường G hay không? Còn 02 người phụ nữ đổi tiền lẻ thì T9 cũng không biết là ai? T9 cũng không còn nhớ, nhưng T9 khẳng định là không phải Lê Thị Kiều O. Bị cáo T9 cho rằng Trường G và O không chỉ đạo T9 thực hiện hành vi phạm tội mà người chỉ đạo T9 là bị cáo Trần Thiện T. Bị cáo Trần Thiện T khai nhận có gọi cho T9 nội dung trên nhưng chỉ làm theo chỉ đạo, xúi giục của Nguyễn Hồ V Trường G. Tuy nhiên, tại biên bản ghi lời khai Nguyễn Hồ V Trường G ngày 03-4- 2019, biên bản đối chất giữa bị cáo Trần Thiện T với Nguyễn Hồ V Trường G ngày 08- 4- 2019 và lời khai của Nguyễn Hồ V Trường G tại phiên tòa sơ thẩm ngày 11- 6- 2019 thì Nguyễn Hồ V Trường G không thừa nhận chỉ đạo T cho xe ô tô tải gây ách tắc giao thông ở Trạm thu phí N. G khai rằng ngày 29- 9- 2018 có gọi cho T nhưng là gọi để xin chỗ hàng của T. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Thiện T khai rằng thời điểm đó bị cáo T không có hàng nên việc Trường G nói rằng điện thoại hỏi T xin chỗ hàng là Trường G khai gian dối. Kết quả điều tra không thu được nội dung các cuộc gọi giữa bị cáo Trần Thiện T và Nguyễn Hồ V Trường G. Từ những phân tích trên, không có cơ sở để kết luận Nguyễn Hồ V Trường G chỉ đạo, xúi giục các bị cáo Trần Thiện T, Võ Minh T9 điều xe ô tô tải 51C- 409.XX đến Trạm thu phí N để gây ách tắc giao thông và gây rối trật tự công cộng. Xét thấy, việc bị cáo Trần Thiện T cho rằng Nguyễn Hồ V Trường G có hành vi xúi giục gây rối trật tự công cộng nhưng chỉ có lời khai của T, G không thừa nhận và không có chứng cứ khác chứng minh nên phải kết luận rằng lời khai nại của bị cáo T là không có căn cứ. Tuy nhiên, việc bị cáo Trần Thiện T xúi giục bị cáo Võ Minh T9 gây rối trật tự công cộng là có thật, được chứng minh bằng lời khai của Võ Minh T9, lời khai của chính Trần Thiện T và được thể hiện bằng việc bị cáo T khai có mặt tại cây xăng Tư T13 trực tiếp chứng kiến T9 nhận tiền lẻ từ hai người phụ nữ và T đi theo xe tải 51C- 409.XX đến Trạm thu phí N để tham gia gây rối. Hậu quả từ việc bị cáo T xúi giục bị cáo T9 gây rối trật tự công cộng chính là việc giao thông tại Trạm thu phí N bị ách tắc kéo dài từ khoảng 19 giờ đến khoảng 22 giờ 20 phút ngày 29- 9- 2018, rất nhiều xe không lưu thông qua lại được trong thời gian dài, nhiều đối tượng lợi dụng việc kẹt xe để la hét, chửi bới, gây rối, cản trở, chống lại hoạt động lập lại an ninh trật tự của cơ quan chức năng, nhiều hoạt động công cộng bị ảnh hưởng phải dừng lại. Từ đó, đủ căn cứ kết luận

hành vi của bị cáo Trần Thiện T cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự. Việc bị cáo T kháng cáo kêu oan, việc Luật sư Nguyễn Văn Quý cho rằng bị cáo T không phạm tội và việc Luật sư Nguyễn Kim Định cho rằng bị cáo T chỉ phạm tội theo khoản 1 Điều 318 Bộ luật hình sự là không có căn cứ chấp nhận. Vì vậy không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thiện T, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm về tội danh, điều khoản áp dụng và hình phạt đối với bị cáo.

[2] Đối với bị cáo Nguyễn Thị Thanh T6 thừa nhận có đứng trước đầu xe Cảnh sát 113, có la hét, dùng tay chỉ vào xe nhưng là để phản đối việc Công an đưa anh Bùi Ngọc T12 lên xe mà không để anh T12 ở lại giải quyết vụ việc xe tải 51C-409.XX mất lái đụng vào nhiều xe mô tô, gắn máy. Bị cáo T6 cho rằng bức xúc vì xe tải của bị cáo gây tai nạn do lỗi của anh T12. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, bị cáo T6 có tham gia gây rối trật tự công cộng bằng hành vi đứng cản trở trước đầu xe Cảnh sát 113, Công an huyện L, mặc dù xe có mở đèn, còi tín hiệu ưu tiên, trên xe có nhiều cán bộ, chiến sĩ Công an mặc sắc phục, bị cáo T6 hoàn toàn nhận thức được đó là xe Công an đang thi hành công vụ nhưng bị cáo T6 vẫn cùng với các bị cáo Phạm Hoàng Q, Trần Thanh T4, Phạm Anh V la hét, cản trở xe Công an di chuyển để đưa anh Bùi Ngọc T12 ra khỏi đám đông xem xét tình trạng thương tích, bị cáo T6 cũng thừa nhận có hành vi dùng nón bảo hiểm đánh anh T12, khi đánh bị cáo không biết anh T12 là Công an. Xét thấy, việc bị cáo T6 cho rằng nguyên nhân bị cáo gây rối trật tự công cộng là xuất phát từ lỗi của anh Bùi Ngọc T12 là không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, khi vụ việc dừng xe tải, gây cản trở, ách tắc giao thông tại Trạm thu phí N ngày 29- 9- 2018 xảy ra thì lực lượng Công an đã có mặt tại hiện trường, áp dụng nhiều biện pháp kể cả vận động, thuyết phục lẫn cưỡng chế nhưng việc gây rối vẫn không sớm chấm dứt, lẽ ra tại thời điểm này cơ quan chức năng đã có mặt thực thi nhiệm vụ thì những vấn đề phát sinh phải thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan chức năng. Nếu như anh Bùi Ngọc T12 với vai trò là cán bộ Công an đang thi hành công vụ mà có lỗi, gây thiệt hại thì những thiệt hại đó sẽ được xem xét, giải quyết theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định, ngay thời điểm vụ việc gây rối diễn ra ngày 29- 9- 2018 thì chưa khẳng định được anh T12 có lỗi hay không? Có gây thiệt hại hay không? Thiệt hại cho ai? Nhưng bị cáo T6 đã cho rằng bức xúc, buộc giải quyết ngay tại chỗ. Chính hành vi của bị cáo T6 và các bị cáo khác đã góp phần kích động đám đông gây rối ngày càng quyết liệt hơn. Do vậy, việc khai nại của bị cáo T6 là không có cơ sở chấp nhận. Qua sự việc này cần phải khẳng định chắc chắn rằng, Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa mà một trong những đặc trưng của Nhà nước pháp quyền đó là thượng tôn pháp luật, các bị cáo T6, Q, V, T4 có hành vi gây rối cản trở hoạt động của Cơ quan Công an ngày 29- 9- 2018 là có hành vi không chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, nên hành vi này cần phải được xử lý nghiêm minh. Hành vi cản trở đầu xe Cảnh sát 113, la hét, phản đối lực lượng Công an của bị cáo T6 đã kích thích nhiều người

tham gia gây rối, nhiều người hiếu kỳ đến xem làm kẹt xe nghiêm trọng, nhiều đối tượng lợi dụng tình trạng kẹt xe để chửi bới, la hét, tạo hiệu ứng đám đông dễ gây cản trở, khó khăn cho hoạt động của lực lượng Công an, nhiều hoạt động công cộng phải ngừng diễn ra. Từ đó đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Thị Thanh T6 cấu thành tội “Gây rối trật tự công cộng” theo điểm c khoản 2 Điều 318 Bộ luật hình sự, do đó kháng cáo kêu oan của bị cáo T6, lời bào chữa của các Luật sư cho rằng bị cáo T6 không phạm tội là không có cơ sở chấp nhận. Do đó giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm về phần này.

[3] Đối với kháng cáo của các bị cáo Phạm Hoàng Q, Trần Thanh T4, Phạm Anh V, Võ Minh T9 xin giảm nhẹ hình phạt, xin hưởng án treo. Hội đồng xét xử thấy rằng Bản án số 18/2019/HS-ST ngày 17- 6- 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp kết án các bị cáo phạm tội “Gây rối trật tự công cộng” với Điều, khoản áp dụng là phù hợp với quy định của Bộ luật hình sự. Trong vụ án này các bị cáo đã thành khẩn khai báo, thấy được lỗi lầm của mình, trong đó các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có bị cáo gia đình có công với Nước, đây là các tình tiết giảm nhẹ mà theo quy định của pháp luật các bị cáo phải được xem xét, áp dụng. Xét thấy khi xét xử sơ thẩm, Tòa án cũng đã xem xét, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo phù hợp với quy định của pháp luật, tại phiên tòa phúc thẩm không phát sinh tình tiết giảm nhẹ nào khác, đồng thời mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo là đã đúng quy định của Bộ luật hình sự, nhân thân các bị cáo, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Vì vậy giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần này.

[4] Đối với vai trò của Lê Thị Kiều O, Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo Trần Thiện T khai Lê Thị Kiều O là 01 trong 02 người phụ nữ đưa tiền lẻ cho bị cáo Võ Minh T9, nhưng bị cáo T9 khai O không phải là người đưa tiền lẻ. Ngoài ra, tại Biên bản ghi lời khai ngày 29- 3- 2019 O khai không quen biết bị cáo Võ Minh T9 và ngày 29- 9- 2018 O cũng không có đến Cây xăng Tư T13; tại Biên bản đối chất ngày 11- 4- 2019 giữa bị cáo Trần Thiện T với Lê Thị Kiều O thì O cũng khai ngày 29- 9- 2018 không có đến cây xăng Tư T13; tại phiên tòa sơ thẩm ngày 11- 6- 2019 O cũng khai là không liên quan đến hành vi của các bị cáo. Từ đó đủ cơ sở khẳng định Lê Thị Kiều O không phải là đồng phạm trong vụ án này.

[5] Đối với thiệt hại phát sinh từ việc xe ô tô tải mang biển số 51C- 409.XX va chạm với các xe mô tô, gắn máy vào đêm 29- 9- 2018 trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử ở cấp sơ thẩm chưa xác định được ai có lỗi gây ra thiệt hại, tài liệu chứng cứ chứng minh thiệt hại, giá trị bồi thường và yêu cầu của người bị thiệt hại nên các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm chưa đề cập giải quyết, vì vậy Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết, nếu có tranh chấp và có yêu cầu thì sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác. Đối với các dữ liệu điện tử do chưa đảm bảo tính hợp pháp nên chưa đủ điều kiện để trở thành chứng cứ trong vụ án. Đối

với việc trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra chưa lấy lời khai Bùi Ngọc T12 là có thiếu sót, tuy nhiên Bùi Ngọc T12 đã có cung cấp bản tường trình diễn biến vụ việc cho Cơ quan điều tra và tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Luật sư, Kiểm sát viên cũng đã xét hỏi đối với Bùi Ngọc T12, vì vậy thiếu sót này không nghiêm trọng, không làm thay đổi bản chất vụ án nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm về lý do này. Đối với việc bị cáo Nguyễn Thị Thanh T6 khai trong quá trình điều tra bị cán bộ điều tra hăm dọa, mớm cung, dụ cung, ép buộc bị cáo phải khai theo quan điểm của cán bộ điều tra chỉ có lời khai của bị cáo T6, không có chứng cứ nào khác chứng minh nên không có cơ sở để khẳng định lời khai của bị cáo T6 là đúng. Đối với việc bị cáo T6 khai Bùi Ngọc T12 có mùi rượu bia khi làm nhiệm vụ, xét thấy tại thời điểm xảy ra vụ việc Bùi Ngọc T12 chưa được giám định nồng độ cồn nên không có cơ sở kết luận. Đối với việc lời khai của bị cáo Võ Minh T9 và lời khai của Nguyễn Hồ V Trường G không mâu thuẫn nhưng Cơ quan tiến hành tố tụng cho T9 và G đối chất là chưa đúng theo quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng hình sự, tuy nhiên qua biên bản lấy lời khai của G, qua biên bản đối chất của bị cáo Trần Thiện T và G, lời khai của G tại phiên tòa sơ thẩm cũng chưa đủ cơ sở để xác định G xúi giục T, T9 phạm tội gây rối trật tự công cộng, do đó sai sót này không nghiêm trọng, không làm thay đổi bản chất vụ án nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm. Trong quá trình điều tra bổ sung ở cấp sơ thẩm và tại phiên tòa sơ thẩm thì Nguyễn Hồ V Trường G và Lê Thị Kiều O cũng đã có cung cấp lời khai, tại phiên tòa phúc thẩm, Tòa án đã triệu tập G và O nhiều lần nhưng cả hai không đến phiên tòa, tuy nhiên xét thấy việc vắng mặt của G và O tại phiên tòa phúc thẩm cũng không cản trở cho việc xét xử vụ án.

[6] Xét thấy phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận. Phát biểu của người bào chữa tại phiên tòa là không có căn cứ chấp nhận.

[7] Do kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[8] Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Thiện T, Phạm Hoàng Q, Trần Thanh T4, Phạm Anh V, Nguyễn Thị Thanh T6, Võ Minh T9.

Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 18/2019/HS-ST ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Tuyên bố các bị cáo Trần Thiện T, Phạm Hoàng Q, Trần Thanh T4, Phạm Anh V, Nguyễn Thị Thanh T6, Võ Minh T9 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Căn cứ điểm c, d khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thiện T 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 30- 9- 2018 đến ngày 09- 10- 2018.

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Hoàng Q 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 30- 9- 2018 đến ngày 09- 10- 2018.

Căn cứ điểm c, đ khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh T4 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 30- 9- 2018 đến ngày 09- 10- 2018.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Anh V 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 30- 9- 2018 đến ngày 09- 10- 2018.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh T6 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 30- 9- 2018 đến ngày 09- 10- 2018.

Căn cứ khoản 1 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Võ Minh T9 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 02- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trần Thiện T, Phạm Hoàng Q, Trần Thanh T4, Phạm Anh V, Nguyễn Thị Thanh T6, Võ Minh T9 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC- Vụ Giám đốc kiểm tra 1;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND Tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- TA-VKS-THADS huyện Cao Lãnh;
- CQCSĐT Công an huyện Cao Lãnh;
- Bị cáo;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA.TA Tỉnh;
- Lưu: VT, HSVA (Loan).

Nguyễn Tuấn Anh